

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 08/8/2024  
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khả Hòa và bà Lê Thị Cần.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Hồ Diên T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Hồ Diên T có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/01/2021.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không ai nhường nhịn ai, cuộc

sống chung không hòa thuận, không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân một thời gian. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên: Hồ Diên Thành Phong, sinh ngày 02/02/2021 và Hồ Thị An Nên, sinh ngày 04/3/2023. Hiện nay cả 02 cháu đang sống cùng với chị N.

Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Phong và cháu Nên cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Trước đây tại đơn khởi kiện, chị N có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mức 2.500.000 đồng/con/tháng. Nhưng nay chị N xin thay đổi ý kiến, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**\* Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Hồ Diên T trình bày:**

Anh Hồ Diên T và chị Nguyễn Thị Yến N có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/01/2021.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh Nều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Chị N xin ly hôn, anh T nhất trí.

Anh T và chị N có 02 con chung tên: Hồ Diên Thành Phong, sinh ngày 02/02/2021 và Hồ Thị An Nên, sinh ngày 04/3/2023.

Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong, đề nghị Tòa án giao cháu Nên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Anh T và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Yến N và anh Hồ Diên T là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và anh T cũng nhất trí ly hôn với chị N. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong, đề nghị Tòa án giao cháu Nên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Phong và cháu Nên còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cả cháu Phong và cháu Nên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Hồ Diên T có địa chỉ tại thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Diên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Hồ Diên T qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau và nhất trí ly hôn với chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là: Hồ Diên Thành

Phong, sinh ngày 02/02/2021 và Hồ Thị An Nên, sinh ngày 04/3/2023. Cả 02 cháu hiện đang sống cùng chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong, đề nghị Tòa án giao cháu Nên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phong và cháu Nên đều đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu. Hiện nay, cả 02 cháu đang sống cùng với chị N và ông bà ngoại, từ khi chị N và anh T sống ly thân đến nay, chị N vẫn đảm bảo chăm sóc tốt cho cả 02 cháu. Hiện tại, anh T làm nghề lái xe đường dài, thường xuyên vắng nhà, không đảm bảo thời gian để chăm sóc cho con. Do đó, cần giao cả cháu Phong và cháu Nên cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và anh T cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Hồ Diên T.

2. Về con chung: Giao cả 02 cháu Hồ Diên Thành Phong, sinh ngày 02/02/2021 và Hồ Thị An Nên, sinh ngày 04/3/2023 cho chị Nguyễn Thị Yến N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Hồ Diên T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007712, ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đặng Anh Việt**